

PHỤ LỤC I

Danh mục các khoản thu và mức thu tối đa đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 431/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở/học viên giáo dục thường xuyên	Trung học phổ thông/học viên giáo dục thường xuyên
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú đối với trẻ mầm non, học sinh					
1.1	Bữa ăn sáng					
a)	Tiền mua thực phẩm	Đồng/trẻ (học sinh)/ngày	18.000	18.000		
b)	Phụ phí phục vụ chế biến bữa ăn: chi phí nhiên liệu, điện, nước và vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ chế biến bữa ăn, chi phí chăm sóc ngoài giờ cho cán bộ, giáo viên và nhân viên phục vụ tham gia tổ chức.	Đồng/trẻ (học sinh)/ngày	2.000	2.000		
1.2	Bữa ăn chính và xế					
a)	Tiền mua thực phẩm	Đồng/trẻ (học sinh)/ngày	32.000	32.000		

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở/học viên giáo dục thường xuyên	Trung học phổ thông/học viên giáo dục thường xuyên
b)	Phụ phí phục vụ chế biến bữa ăn: chi phí nhiên liệu, điện, nước và vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ chế biến bữa ăn	Đồng/trẻ (học sinh)/ngày	4.000	4.000		
2	Dịch vụ phục vụ bán trú có tổ chức nấu ăn					
2.1	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	Đồng/học sinh/tháng	180.000	160.000	160.000	160.000
a)	Thuê người nấu ăn	Đồng/học sinh/tháng	140.000	140.000	140.000	140.000
b)	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	Đồng/học sinh/tháng	40.000	20.000	20.000	20.000
2.2	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú (không bao gồm chi phí đã tính trong phụ phí phục vụ chế biến bữa ăn, thuê người nấu ăn và chi phí tổ chức quản lý bán trú)	Đồng/học sinh/tháng	54.000	30.000	30.000	30.000

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở/học viên giáo dục thường xuyên	Trung học phổ thông/học viên giáo dục thường xuyên
3	Dịch vụ phục vụ bán trú không tổ chức nấu ăn					
3.1	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh: (chi phí nhân công phục vụ chia thức ăn, vận chuyển thức ăn trong phạm vi trường, thu dọn, rửa dụng cụ và vệ sinh khu vực ăn uống...)	Đồng/học sinh/tháng	42.000	38.000	42.000	42.000
3.2	Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	Đồng/học sinh/tháng	40.000	20.000	20.000	20.000
4	Dịch vụ tổ chức chăm sóc, bán trú đối với trẻ mầm non vào ngày nghỉ và trong thời gian nghỉ hè theo nhu cầu (bao gồm: thuê người nấu, công tác quản lý bán trú).	Đồng/trẻ/tháng	1.000.000			

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở/học viên giáo dục thường xuyên	Trung học phổ thông/học viên giáo dục thường xuyên
5	Dịch vụ trông giữ và chăm sóc trẻ/học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học khi cha mẹ trẻ em, học sinh có nhu cầu; khoảng thời gian giữ trẻ do nhà trường và phụ huynh thống nhất)	Đồng/người học/giờ hoặc đồng/người học/ngày	10.000/giờ; 50.000/ngày	10.000/giờ; 50.000/ngày		
6	Dịch vụ hoạt động kỹ năng sống (ngoài nội dung/chương trình giáo dục bắt buộc)	Đồng/người học/giờ	20.000	20.000		
7	Dịch vụ sử dụng máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	Đồng/trẻ (học sinh)/tháng	40.000	40.000	25.000	25.000
8	Dịch vụ cung cấp nội dung, học liệu, tài liệu phục vụ hoạt động STEM/STEAM, trí tuệ nhân tạo (AI) và rô-bốt (Robotics) (8 tiết/tháng)	Đồng/tiết/học sinh	Không	22.000	22.000	22.000